TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 180/2017/DS-PT.
Ngày: 27/9/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Đình Thi**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hường**

Bà **Ngô Thị Minh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lan Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 95/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Châu Ngọc H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm: 1936.

Địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông bà Dương Thị T và bà Huỳnh Thị D: Ông Bùi Hồng Đ, sinh năm: 1960 (theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2017).

Địa chỉ: 71 Trần Quốc Toản, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị D và bà Dương Thị T.

(Bà Châu Ngọc H, ông Bùi Hồng Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Châu Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Ngọc H là ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ngày 30/8/2016, bà Châu Ngọc H cho bà Dương Thị T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/9/2016 trả. Khi vay có bà Huỳnh Thị D là mẹ của bà Dương Thị T đứng ra bảo lãnh và ký vào tờ cam kết. Khi vay không thỏa thuận lãi, chỉ nói miệng khi nào trúng tôm thì trả lãi nhiều, thất tôm thì trả lãi ít chứ không thỏa thuận mức lãi cụ thể. Bà Dương Thị T vay tiền để sản xuất nuôi tôm.

Ngoài ra bà còn cho bà Dương Thị T vay 02 khoản tiền khác trước ngày 30/8/2016 (không nhớ cụ thể ngày cho vay) nhưng đến ngày 30/8/2016 mới làm biên nhận, cụ thể: Cho vay 130.000.000 đồng để bà Dương Thị T trả tiền điện và vay 420.000.000 đồng, bà Dương Thị T đã trả được 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 380.000.000 đồng. Khi vay bà Dương Thị T hứa trả gốc và trả lãi luôn chứ không thỏa thuận lãi suất cụ thể.

Tổng cộng bà Dương Thị T còn nợ bà Châu Ngọc H số tiền là 1.510.000.000 đồng và có Huỳnh Thị D bảo lãnh. Bà Châu Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị T và Huỳnh Thị D phải trả cho bà Châu Ngọc H số tiền 1.510.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 31/10/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong theo mức lãi suất Ngân hàng cho vay, nhưng tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu H yêu cầu tính lãi suất theo Ngân hàng nhà nước quy định.

Bị đơn bà Dương Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị T là ông Bùi Hồng Đ trình bày:

Vào năm 2013, bà Dương Thị T có vay của bà Châu Ngọc H số tiền tổng cộng là 1.800.000.000 đồng và trả dần đến ngày 30/8/2016 còn 1.000.000.000 đồng. Bà Dương Thị T có làm tờ cam kết cho bà Châu Ngọc H và mẹ bà Dương Thị T là Huỳnh Thị D đứng ra bảo lãnh. Khi vay thỏa thuận lãi suất 30%/tháng. Bà Dương Thị T yêu cầu Tòa án tính lãi lãi suất mà bà đã đóng cho bà Châu Ngọc H theo mức lãi suất nhà nước quy định từ năm 2013 đến năm 2016.

Đối với khoản tiền 130.000.000 đồng, ban đầu bà Dương Thị T vay của bà Châu Ngọc H 400.000.000 đồng, bà đóng lãi suất 60%/tháng, đến thời điểm làm biên nhận bà Dương Thị T còn nợ lại 130.000.000 đồng. Số tiền này bà Dương Thị T đã trả cho chị Châu Hải M (là cháu của bà Dương Thị T) xong. Bà Dương Thị T yêu cầu tính lại lãi theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Đối với khoản tiền 380.000.000 đồng là số tiền lãi của số nợ gốc 1.000.000.000 đồng chứ không phải nợ gốc. Bà Dương Thị T đã đóng lãi cho bà Châu Ngọc H nhiều rồi nên không đồng ý trả. Số tiền này có bà T là chị ruột của bà Châu Ngọc H biết là tiền lãi chứ không phải nợ gốc.

Nay bà Dương Thị T chỉ đồng ý trả cho bà Châu Ngọc H số tiền 1.000.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính lãi lại theo lãi suất nhà nước quy định.

Bị đơn bà Huỳnh Thị D và người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thị D là ông Bùi Hồng Đ trình bày:

Huỳnh Thị D thừa nhận ngày 30/8/2016 có bảo lãnh cho bà Dương Thị T trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng cho bà Châu Ngọc H. Số tiền 1.000.000.000 đồng bà Dương Thị T đã nợ bà Châu Ngọc H trước đó chứ không phải ngày 30/8/2016 mới vay. Huỳnh Thị D đồng ý cùng bà Dương Thị T trả số tiền này cho bà Châu Ngọc H. Ngoài ra Huỳnh Thị D thống nhất ý kiến của bà Dương Thị T yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất mà bà Dương Thị T đã đóng cho bà Châu Ngọc H theo mức lãi suất nhà nước quy định từ năm 2013 đến năm 2016.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 15/6/2017, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Buộc bà Dương Thị T trả cho bà Châu Ngọc H tổng số tiền 1.510.000.000 đồng và lãi là 84.937.500 đồng. Tổng cộng 1.594.937.500đ (một tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận việc bà Châu Ngọc H yêu cầu bà Huỳnh Thị D cùng bà Dương Thị T trả số tiền 510.000.000 đồng.

Trong trường hợp bà Dương Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Châu Ngọc H thì bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Dương Thị T trên số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 56.250.000 đồng. Tổng cộng là 1.056.250.000đ (một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo vẽ và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 19/6/2017, bà Dương Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tờ cam kết trả nợ 1.000.000.000 đồng viết ngày 30/8/2016 là số tiền gốc bà đã vay của bà Châu Ngọc H vào năm 2013 còn thiếu, trong ngày 30/8/2016 bà không có vay tiền của bà Châu Ngọc H. Biên nhận viết ngày 30/8/2016 với số tiền 380.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh trong số tiền còn thiếu bà đã vay của bà Châu Ngọc H vào năm 2013, không phải tiền bà vay thêm của bà Châu Ngọc H. Kể từ đầu năm 2014, bà không vay của bà Châu Ngọc H một khoản tiền nào khác. Bản án sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà Châu Ngọc H số tiền 1.510.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/10/2016 đến nay là thiệt hại đến quyền lợi về tài sản của bà. Bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm để Tòa án tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Cùng ngày 19/6/2017, bà Huỳnh Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tờ cam kết viết ngày 30/8/2016 là cam kết trả nợ số tiền mà bà Dương Thị T đã vày của bà Châu Ngọc H vào năm 2013 còn thiếu, trong ngày 30/8/2016 bà Châu Ngọc H không cho bà Dương Thị T vay tiền và bà cũng không bảo lãnh cho bà Dương Thị T vay tiền của bà Châu Ngọc H ngày 30/8/2016. Bản án sơ thẩm cho rằng bà cam kết vay tiền của bà Châu Ngọc H vào ngày 30/8/2016 là hoàn toàn không đúng, làm thiệt hại tới quyền lợi về tài sản của Dương Thị T và bà. Bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm để Tòa án tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của chị Dương Thị T và Huỳnh Thị D là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm sai sót trong việc không tính án phí đối với yêu cầu của bà Châu Ngọc H không được chấp nhận đối với yêu cầu Huỳnh Thị D cùng bà Dương Thị T trả số tiền 510.000.000 đồng là thiếu sót.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Dương Thị T thừa nhận bà nợ bà Châu Ngọc H số tiền 1.000.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị D cũng thừa nhận ngày 30/8/2016 bà có ký cam kết bảo lãnh trả nợ cho bà Dương Thị T số tiền 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Châu Ngọc H số tiền 1.000.000.000 đồng và trường hợp bà Dương Thị T không trả được nợ thì Huỳnh Thị D có nghĩa vụ trả thay cho bà Dương Thị T số nợ trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Huỳnh Thị D.

[2] Xét yêu cầu xem xét lại lãi của bà Dương Thị T từ năm 2013 đến năm 2016, thấy rằng: Bà Dương Thị T cho rằng năm 2013 bà vay số tiền 1.800.000.000 đồng của bà Châu Ngọc H, đến ngày 30/8/2016 còn lại số nợ 1.000.000.000 đồng nên mới lập cam kết trả số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 30%/tháng. Xét thấy, sự việc này bà Châu Ngọc H không thừa nhận và bà Dương Thị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà Dương Thị T có thỏa thuận mức lãi và có đóng lãi cho bà Châu Ngọc H số tiền cụ thể bao nhiêu nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu tính lại lãi của bà Dương Thị T.

[3] Đối với số tiền 130.000.000 đồng, bà Dương Thị T thừa nhận bà có nợ bà Châu Ngọc H số tiền này nhưng bà Dương Thị T cho rằng đã trả cho bà Châu Ngọc H thông qua chị Châu Hải M nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2017, chị Châu Hải M khai bà Dương Thị T không trả tiền cho chị và bà Dương Thị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T về phần này.

[4] Đối với số tiền 380.000.000 đồng bà Dương Thị T cho rằng đây là số tiền lãi của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. Xét thấy, tại biên nhận nợ do bà Dương Thị T tự viết và ký tên, nội dung không thể hiện đây là tiền lãi. Bà Dương Thị T cho rằng bà Trang biết về số tiền lãi này nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2017 bà Châu Thùy T trình bày bà không biết đây là tiền gốc hay tiền lãi và bà cũng không biết việc vay nợ giữa bà Châu Ngọc H và bà Dương Thị T. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà Châu Ngọc H yêu cầu Huỳnh Thị D cùng bà Dương Thị T trả số tiền 510.000.000 đồng nhưng không buộc bà Châu Ngọc H chịu án phí là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ

luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, buộc bà Châu Ngọc H phải nộp án phí không có giá ngạch số tiền là 200.000 đồng, khấu trừ 28.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001635 ngày 08/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bà Châu Ngọc H được nhận lại số tiền là 28.450.000 đồng.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị D và bà Dương Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang về án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T và bà Huỳnh Thị D.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Dương Thị T trả cho bà Châu Ngọc H tổng số tiền 1.510.000.000 đồng và lãi là 84.937.500 đồng, tổng cộng 1.594.937.500 đồng (*một tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Không chấp nhận việc bà Châu Ngọc H yêu cầu bà Huỳnh Thị D cùng bà Dương Thị T trả số tiền 510.000.000 đồng.

Trường hợp bà Dương Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Châu Ngọc H thì bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Dương Thị T số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 56.250.000 đồng, tổng cộng là

1.056.250.000 đồng (*một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị T phải nộp án phí số tiền là 59.848.125 đồng (*năm mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Buộc bà Châu Ngọc H phải nộp án phí không có giá ngạch số tiền là 200.000 đồng, khấu trừ 28.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001635 ngày 08/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang. Bà Châu Ngọc H được nhận lại số tiền là 28.450.000 đồng (*hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Án phí phúc thẩm bà Dương Thị T và bà Huỳnh Thị D không phải nộp.

Hoàn trả cho bà Dương Thị T 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001736, ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị D 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001737, ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện K;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Thi